

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
Số: 606 A	ĐẾN
HÀ NỘI, NAM 06/02/20	
Chuyển:	

Số: 3837 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Chương trình cấp quốc gia
về Xúc tiến thương mại năm 2020**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 28/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về một số biện pháp phát triển ngoại thương;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các Đề án thuộc Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại năm 2020 (sau đây viết tắt là Chương trình) theo Danh mục ban hành tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Đơn vị chủ trì Chương trình có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện hiệu quả các Đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và huy động phản đóng góp của doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

2. Hướng dẫn, tạo điều kiện, lựa chọn các doanh nghiệp có uy tín, có năng lực sản xuất, kinh doanh, xúc tiến thương mại thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia thực hiện Đề án.

3. Gửi công văn mời doanh nghiệp tham gia, đăng tải thư mời trên trang thông tin điện tử của Cục Xúc tiến thương mại - Bộ Công Thương, của Đơn vị chủ trì, của Sở Công Thương (đối với đơn vị chủ trì là cơ quan xúc tiến thương mại địa phương) theo mẫu thư mời tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

4. Đối với các Đề án thực hiện tại nước ngoài, Đơn vị chủ trì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Tham tán thương mại Việt Nam tại nước sở tại để phối hợp và hỗ trợ trong việc tổ chức thực hiện Đề án tối thiểu mười lăm (15) ngày làm việc trước ngày diễn ra sự kiện theo mẫu tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định này.

5. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án gửi về Văn phòng Ban Quản lý Chương trình (Cục Xúc tiến thương mại, địa chỉ: 20 Lý Thường Kiệt, Hà Nội) trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc sau khi hoàn thành Đề án theo mẫu tại Phụ lục V, Phụ lục VI kèm theo bản sao báo cáo kết quả của các doanh nghiệp tham gia theo mẫu tại Phụ lục VIII kèm theo Quyết định này.

6. Thực hiện quyết toán theo quy định tại Quyết định số 12/2019/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định về tài chính liên quan.

Điều 3. Đơn vị tham gia Chương trình có trách nhiệm:

1. Thực hiện nghiêm túc nội quy của Ban Tổ chức Chương trình.

2. Cử nhân sự phù hợp và chịu toàn bộ trách nhiệm về nhân sự được cử tham gia đối với hoạt động xúc tiến thương mại tại nước ngoài. Văn bản cử nhân sự tham gia thực hiện theo mẫu tại Phụ lục VII kèm theo Quyết định này.

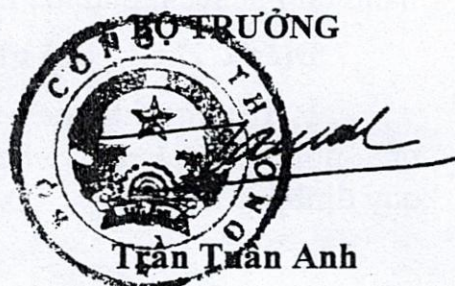
3. Nộp báo cáo kết quả theo mẫu tại Phụ lục VIII kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Xúc tiến thương mại, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương, Thủ trưởng các đơn vị chủ trì Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại năm 2020 và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Vụ: TC, TTTN;
- Lưu: VT, XTTM.



Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 3837 /QĐ-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Phụ lục I	Danh mục đề án phê duyệt Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2020 – Nội dung phát triển ngoại thương
Phụ lục II	Danh mục đề án phê duyệt Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2020 – Nội dung phát triển thị trường trong nước
Phụ lục III	Mẫu thông báo mời tham gia Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại
Phụ lục IV	Mẫu công văn thông báo tổ chức thực hiện đề án Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại tại nước ngoài
Phụ lục V	Mẫu báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại
Phụ lục VI	Danh sách đơn vị tham gia đề án Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2019
Phụ lục VII	Mẫu đăng ký danh sách nhân sự tham gia Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại tại nước ngoài
Phụ lục VIII	Mẫu báo cáo kết quả của đơn vị tham gia Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại

Phụ lục I:
DANH MỤC ĐỀ ÁN PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG
MẠI NĂM 2020 - NỘI DUNG PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 3837/QĐ-BCT
 ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
	Tuyên truyền, quảng bá ngành hàng	4.099.150.000				
1	Tổ chức tuyên truyền, quảng bá ngành hàng đồ gỗ Việt Nam ra thị trường nước ngoài	500.000.000	Năm 2020	Trong nước và nước ngoài	Điều 24	Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam
2	Tuyên truyền, quảng bá cho ngành nông sản, thực phẩm Việt Nam ra thị trường nước ngoài	1.500.000.000	Năm 2020	Trong nước và nước ngoài	Điều 24	Cục Xúc tiến thương mại
3	Tuyên truyền, quảng bá chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể ở nước ngoài	1.204.000.000	Năm 2020	Trong nước và nước ngoài	Điều 24	Cục Xúc tiến thương mại
4	Tuyên truyền, quảng bá và mời chuyên gia nước ngoài vào Việt Nam sản xuất sản phẩm truyền thông quảng bá cho ngành hàng thủ công mỹ nghệ Việt Nam	600.000.000	Năm 2020	Trong nước và nước ngoài	Điều 24	Hiệp hội Xuất khẩu hàng Thủ công mỹ nghệ Việt Nam
5	Tuyên truyền, quảng bá ngành công nghệ thông tin Việt Nam	295.150.000	Năm 2020	Việt Nam	Điều 24	Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam
	Thông tin thương mại xuất khẩu	576.503.000				
6	Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, thị trường đối với mặt hàng gạo	300.000.000	Năm 2020	Việt Nam	Điều 17	Hiệp hội Lương thực Việt Nam

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
7	Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường đối với sản phẩm cao su	276.503.000	Năm 2020	Việt Nam	Điều 17	Hiệp hội Cao su Việt Nam
	Đào tạo, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển sản phẩm, thị trường	1.506.060.000				
8	Đào tạo Thiết kế sản phẩm Da giấy đáp ứng nhu cầu xuất khẩu (01 khóa)	414.000.000	Quý III	Bình Dương	Điều 21	Hiệp hội Da giấy - Túi xách Việt Nam
9	Đào tạo phát triển thiết kế 3D thông minh (02 khóa)	500.000.000	Quý III	Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh	Điều 21	Hiệp hội Dệt may Việt Nam
10	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm (03 khóa)	302.060.000	Năm 2020	Miền Bắc, miền Trung, miền Nam	Điều 21	Cục Xúc tiến thương mại
11	Đào tạo kỹ năng xuất khẩu thực tế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam (04 khóa)	290.000.000	Quý II, Quý III	Hà Nội, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai	Điều 26	Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam
	Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại Việt Nam	1.564.474.000				
12	Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành Da Giấy tại Việt Nam	450.000.000	Tháng 3	Tp. Hồ Chí Minh	Điều 12	Hiệp hội Da giấy - Túi xách Việt Nam
13	Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành logistics FIATA Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương	400.000.000	Tháng 6	Đà Nẵng	Điều 12	Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
14	Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành hồ tiêu tại Việt Nam	264.474.000	Tháng 9	Đà Nẵng (hoặc Tỉnh/Thành phố khác)	Điều 12	Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam
15	Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành gạo tại Việt Nam	450.000.000	Quý IV	Việt Nam	Điều 12	Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp Cục Xuất nhập khẩu)
	Kết nối giao thương tại Việt Nam giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức XTTM	150.000.000				
16	Tổ chức Hội nghị kết nối giao thương tại Phú Thọ giữa nhà cung cấp với các doanh nghiệp xuất khẩu và tổ chức xúc tiến thương mại	150.000.000	Quý IV	Phú Thọ	Điều 13	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công Thương tỉnh Phú Thọ
	Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	5.210.270.000				
17	Tổ chức Đoàn doanh nghiệp Canada vào Việt Nam giao dịch mua hàng	450.000.000	Tháng 3	Tp. Hồ Chí Minh/ Hà Nội	Điều 11	Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam
18	Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nông sản, trái cây và thủy hải sản Trung Quốc vào Việt Nam giao dịch mua hàng	300.000.000	Quý II	Lào Cai	Điều 11	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Lào Cai
19	Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nông sản Trung Quốc vào Việt Nam giao dịch mua hàng	200.000.000	Quý II	Yên Bái	Điều 11	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
20	Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	400.000.000	Quý II	Kiên Giang	Điều 11	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Kiên Giang
21	Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	549.850.000	Quý IV	Cần Thơ	Điều 11	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ
22	Tổ chức Đoàn doanh nghiệp Trung Quốc vào Việt Nam giao dịch mua hàng	186.420.000	Quý III	Việt Nam	Điều 11	Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp Cục Xuất nhập khẩu)
23	Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	324.000.000	Quý III	Việt Nam	Điều 11	Hiệp hội Chè Việt Nam
24	Tổ chức Đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	500.000.000	Quý IV	Việt Nam	Điều 11	Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam
25	Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành điều tại Việt Nam và tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	500.000.000	Tháng 3	Tp. Hồ Chí Minh	Điều 11	Hiệp hội Điều Việt Nam
26	Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành thủ công mỹ nghệ tại Việt Nam và tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	450.000.000	Tháng 4	Tp. Hồ Chí Minh	Điều 11	Hiệp hội Xuất khẩu hàng Thủ công mỹ nghệ Việt Nam

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
27	Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành cà phê tại Việt Nam và tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	400.000.000	Tháng 11	Tp. Hồ Chí Minh	Điều 11	Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam
28	Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành công nghiệp thực phẩm tại Việt Nam và tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	500.000.000	Tháng 11	Tp. Hồ Chí Minh	Điều 11	Cục Xúc tiến thương mại
29	Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành cao su tại Việt Nam và tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam giao dịch mua hàng	450.000.000	Năm 2020	Việt Nam	Điều 11	Hiệp hội Cao su Việt Nam
	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài	24.774.417.000				
30	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại ngành hàng nông sản và thực phẩm tại Philippines	624.492.000	Quý I, Quý II	Manila, Philippines	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp Vụ Thị trường châu Á - châu Phi)
31	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại thị trường Hoa Kỳ	1.500.000.000	Quý I, Quý II	Hoa Kỳ	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại
32	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại ngành logistics tại Hàn Quốc	400.000.000	Tháng 4	Hàn Quốc	Điều 10	Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ Logistics Việt Nam
33	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại thị trường Canada kết hợp tham dự Hội chợ Sial Montreal	660.000.000	Tháng 4	Montreal, Canada	Điều 10	Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
34	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại ngành hàng cà phê tại Đức và Italia	720.000.000	Tháng 5	Đức, Italia	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp Vụ Thị trường châu Âu - châu Mỹ)
35	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Cộng hòa Séc và Liên Bang Nga	1.080.000.000	Tháng 5	Cộng hòa Séc, Liên bang Nga	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại
36	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại ngành cà phê tại Trung Quốc kết hợp tham dự Hội chợ SIAL Thượng Hải	400.000.000	Tháng 5	Thượng Hải, Bắc Kinh, Trung Quốc	Điều 10	Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam
37	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại ngành hàng nông sản, thực phẩm tại Nhật Bản	680.000.000	Quý II	Oita, Tokyo, Nhật Bản	Điều 10	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thái Nguyên (phối hợp Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Yên Bái)
38	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Nam Phi và Mozambique	1.020.000.000	Quý II	Nam Phi, Mozambique	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại
39	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Trung Quốc	700.000.000	Quý II	Trung Quốc	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại
40	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại ngành hàng gạo tại Singapore và Philippines	720.000.000	Quý II	Singapore, Philippines	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp Cục Xuất nhập khẩu)
41	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Hoa Kỳ	1.800.000.000	Quý II, Quý III	Hoa Kỳ	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
42	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Lào	697.000.000	Quý II, Quý III	Viêng Chăn, Luông Pha Băng, Lào	Điều 10	Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam
43	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Australia	1.080.000.000	Năm 2020	Australia	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại
44	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại ngành hàng da giày tại Canada và Mexico	960.000.000	Tháng 8	Canada, Mexico	Điều 10	Hiệp hội Da giày - Túi xách Việt Nam
45	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại ngành công nghiệp hỗ trợ ngành cơ khí và điện tử tại Hoa Kỳ và Canada	720.000.000	Tháng 9	Hoa Kỳ, Canada	Điều 10	Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam
46	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Nigeria	1.020.000.000	Quý III	Abuja, Lagos, Nigeria	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp Vụ Thị trường châu Á - châu Phi)
47	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Lào cho doanh nghiệp khu vực Bắc Trung Bộ	400.000.000	Quý III	Hủa Phăn, Viêng Chăn, Lào	Điều 10	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa
48	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại chuyên ngành Lựa tơ tằm tại Ấn Độ	400.000.000	Quý II, Quý III	Ấn Độ	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại
49	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Nhật Bản	720.000.000	Quý III	Nhật Bản	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại
50	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Hà Lan và Vương quốc Bỉ	1.020.000.000	Quý III	Hà Lan, Bỉ	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại
51	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại các tỉnh vùng Đông Bắc Thái Lan	715.000.000	Quý III	Khonkaen, Udon Thany, Thái Lan	Điều 10	Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
52	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Liên bang Nga	1.020.000.000	Quý III	Liên bang Nga	Điều 10	Hiệp hội Phát triển hàng tiêu dùng Việt Nam
53	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Pháp, Hà Lan	840.000.000	Quý III	Pháp, Hà Lan	Điều 10	Hiệp hội Lương thực Việt Nam
54	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại mặt hàng gạo tại Trung Quốc	625.000.000	Quý III	Hồ Nam, Trung Quốc	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp Cục Xuất nhập khẩu)
55	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Hoa Kỳ	1.080.000.000	Quý III	Hoa Kỳ	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại
56	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại ngành hàng nông, lâm, thủy sản khu vực Bắc Trung Bộ tại Lào và Thái Lan	342.925.000	Quý III, Quý IV	Savannakhet (Lào), Mukdahan (Thái Lan)	Điều 10	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị
57	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Hàn Quốc	680.000.000	Quý II, Quý III	Hàn Quốc	Điều 10	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk
58	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Ấn Độ và Pakistan	1.020.000.000	Quý IV	Ấn Độ, Pakistan	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp Vụ Thị trường châu Á - châu Phi)
59	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại tại Trung Quốc kết hợp tham dự Hội chợ Canton Fair	600.000.000	Tháng 10, Tháng 11	Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu, Trung Quốc	Điều 10	Hiệp hội Điều Việt Nam

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
60	Tổ chức Đoàn giao dịch thương mại kết hợp tham dự Hội chợ mỗi tỉnh một sản phẩm tại Campuchia	530.000.000	Tháng 12	Phnom Penh, Campuchia	Điều 10	Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp Vụ Thị trường châu Á - châu Phi)
	Tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài	55.500.145.000				
61	Tham gia Hội chợ quốc tế Thực phẩm và Đồ uống Gulfood 2020 (giai đoạn 2)	514.000.000	Tháng 2	Dubai, UAE	Điều 5	Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp
62	Tham gia Hội chợ sản phẩm hữu cơ Biofach 2020 (giai đoạn 2)	1.100.000.000	Tháng 2	Nuremberg, Đức	Điều 5	Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam
63	Tham gia Hội chợ Rau quả Fruit Logistica Berlin 2020 (giai đoạn 2)	340.000.000	Tháng 2	Berlin, Đức	Điều 5	Hiệp hội Rau quả Việt Nam
64	Tham gia Hội chợ Quốc tế hàng gia dụng tiêu dùng Ambiente 2020 (giai đoạn 2)	450.000.000	Tháng 2	Frankfurt, Đức	Điều 5	Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam
65	Tham gia Hội chợ Spring Fair 2020 (giai đoạn 2)	1.050.000.000	Tháng 2	Birmingham, Anh	Điều 5	Hiệp hội Xuất khẩu hàng Thủ công mỹ nghệ Việt Nam
66	Tham gia Triển lãm thủy sản Bắc Mỹ 2020 (giai đoạn 2)	1.191.600.000	Tháng 3	Boston, Hoa Kỳ	Điều 5	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam
67	Tham gia Hội chợ Quốc tế về Thực phẩm và Đồ uống Foodex Japan 2020 (giai đoạn 2)	1.290.000.000	Tháng 3	Chiba, Nhật Bản	Điều 5	Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp
68	Tham gia Triển lãm Thủy sản Toàn cầu 2020 (giai đoạn 2)	1.105.000.000	Tháng 4	Brussels, Bỉ	Điều 5	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
69	Tham gia Triển lãm phát triển phần mềm và ứng dụng Nhật Bản (SODEC) 2020 (giai đoạn 2)	1.600.000.000	Tháng 4	Tokyo, Nhật Bản	Điều 5	Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam
70	Tham gia Hội chợ triển lãm về hạt quả khô 2020 tại Trung Quốc	243.500.000	Tháng 4	Trung Quốc	Điều 5	Hiệp hội Mắc ca Việt Nam
71	Tham gia Hội chợ Quốc tế về Thực phẩm, Đồ uống và Dịch vụ Thực phẩm Alimentaria 2020	1.876.770.000	Tháng 4	Barcelona, Tây Ban Nha	Điều 5	Cục Xúc tiến thương mại
72	Tham gia Triển lãm Thực phẩm Quốc tế Seoul Food 2020 (giai đoạn 2)	1.500.000.000	Tháng 5	Seoul, Hàn Quốc	Điều 5	Cục Xúc tiến thương mại
73	Tham gia Hội chợ Trung Quốc - Nam Á và Hội chợ xuất nhập khẩu Côn Minh 2020	600.000.000	Tháng 6	Vân Nam, Trung Quốc	Điều 5	Cục Xúc tiến thương mại
74	Tổ chức Hội chợ thương mại Việt - Lào 2020	2.400.000.000	Tháng 6, Tháng 7	Viêng Chăn, Lào	Điều 5	Cục Xúc tiến thương mại
75	Tham gia Hội chợ Quốc tế về Thực phẩm và Đồ uống Fancy Food Show (kỳ mùa Hè hoặc mùa Đông)	1.800.000.000	Tháng 6/2020 hoặc Tháng 1/2021	Hoa Kỳ	Điều 5	Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp
76	Tham gia Hội chợ thương mại - Du lịch Quốc tế Trung - Việt 2020	300.000.000	Quý II	Quảng Tây, Trung Quốc	Điều 5	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ninh
77	Tham gia Hội chợ Quốc tế về quà tặng và trang trí nội thất Atlanta 2020	1.700.000.000	Tháng 7	Atlanta, Hoa Kỳ	Điều 5	Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
78	Tham gia Hội chợ hữu cơ Biofach và sản phẩm tự nhiên khu vực Đông Nam Á	965.000.000	Tháng 7	Bangkok, Thái Lan	Điều 5	Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam
79	Tham gia Hội chợ Magic Show 2020	2.000.000.000	Tháng 8	Las Vegas, Hoa Kỳ	Điều 5	Hiệp hội Dệt May Việt Nam
80	Đồng tổ chức Hội chợ Thương mại ASEAN - Trung Quốc lần thứ 17 (CAEXPO 2020)	2.800.000.000	Tháng 9	Nam Ninh, Trung Quốc	Điều 5	Cục Xúc tiến thương mại
81	Tham gia Hội chợ Quốc tế về Thực phẩm và Đồ uống World Food Moscow 2020	1.700.000.000	Tháng 9	Moscow, Liên bang Nga	Điều 5	Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp
82	Tham gia Hội chợ Maison et Objet 2020	2.000.000.000	Tháng 9	Paris, Pháp	Điều 5	Hiệp hội Xuất khẩu hàng Thủ công mỹ nghệ Việt Nam
83	Tham gia Hội chợ ngành đồ gỗ Spoga 2020	1.200.000.000	Tháng 9	Cologne, Đức	Điều 5	Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam
84	Tham gia Hội chợ Da Giày quốc tế 2020	1.600.000.000	Tháng 9	Moscow, Liên Bang Nga	Điều 5	Hiệp hội Da giày - Túi xách Việt Nam
85	Tham gia Hội chợ Premier Vision 2020 kết hợp khảo sát thị trường châu Âu	1.925.000.000	Tháng 9	Paris, Pháp	Điều 5	Hiệp hội Dệt May Việt Nam
86	Tổ chức Hội chợ Thương mại Việt Nam tại Myanmar năm 2020	1.700.000.000	Quý II, Quý III	Yangon, Myanmar	Điều 5	Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến thương mại quân đội
87	Tham gia Hội chợ Rau quả Asia Fruit Logistica 2020	2.356.000.000	Quý III	Hong Kong	Điều 5	Hiệp hội Rau quả Việt Nam

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
88	Tổ chức Hội chợ thương mại Việt Nam tại Campuchia năm 2020	2.500.000.000	Quý IV	PhnomPenh, Campuchia	Điều 5	Trung tâm Triển lãm và Xúc tiến thương mại quân đội
89	Tham gia Hội chợ Quốc tế Công nghiệp Thực phẩm Sial Paris 2020 (giai đoạn 2)	3.674.275.000	Tháng 10	Paris, Pháp	Điều 5	Cục Xúc tiến thương mại
90	Tham gia Hội chợ công nghiệp chè quốc tế Hạ Môn 2020	1.069.000.000	Tháng 10	Hạ Môn, Trung Quốc	Điều 5	Hiệp hội Chè Việt Nam
91	Tham gia Hội chợ nhập khẩu Quốc tế Trung Quốc 2020	5.500.000.000	Tháng 11	Thượng Hải, Trung Quốc	Điều 5	Cục Xúc tiến thương mại
92	Tham gia Hội chợ Thủy sản và Nghề cá Trung Quốc (CFSE) 2020	1.500.000.000	Tháng 11	Thanh Đảo, Trung Quốc	Điều 5	Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam
93	Tham gia Hội chợ Thương mại Quốc tế Trung - Việt (Hà Khẩu) lần thứ 20 năm 2020	450.000.000	Tháng 11	Trung Quốc	Điều 5	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Lào Cai
94	Tổ chức Hội chợ hàng Việt Nam tại Myanmar năm 2020	3.000.000.000	Tháng 12	Yangon, Myanmar	Điều 5	Cục Xúc tiến thương mại
95	Tham gia Hội chợ triển lãm đồ gỗ nội ngoại thất Las Vegas Market 2021 (giai đoạn 1)	500.000.000	Tháng 1/2021	Las Vegas, Hoa Kỳ	Điều 5	Cục Xúc tiến thương mại

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
	Tổ chức hội chợ, triển lãm tại Việt Nam đối với các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị NK phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu	700.000.000				
96	Tổ chức Triển lãm Quốc tế Thiết bị và công nghệ Nông Lâm Ngư nghiệp Việt Nam - Growtech 2020 (hỗ trợ tuyên truyền quảng bá)	700.000.000	Năm 2020	Việt Nam	Điều 8	Cục Xúc tiến thương mại (phối hợp Hiệp hội Hội chợ Triển lãm thương mại và Hội nghị Việt Nam)
	Tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế tại Việt Nam đối với sản phẩm xuất khẩu	3.600.000.000				
97	Tổ chức Hội chợ thương mại Quốc tế Festival Huế 2020	1.000.000.000	Tháng 4	Thừa Thiên Huế	Điều 6	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thừa Thiên Huế
98	Tổ chức Hội chợ quốc tế sản phẩm của khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã Coop - Expo 2020	800.000.000	Quý IV	Việt Nam	Điều 6	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
99	Tổ chức Hội chợ thương mại quốc tế Việt - Trung (Lạng Sơn 2020)	800.000.000	Tháng 10, Tháng 11	Lạng Sơn	Điều 6	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Lạng Sơn
100	Tổ chức Hội chợ Nông nghiệp Quốc tế Việt Nam 2020	1.000.000.000	Tháng 11	Cần Thơ	Điều 6	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	Nội dung hỗ trợ (TT 11/2019/TT-BCT)	Đơn vị chủ trì
	Hội chợ, triển lãm quốc tế tại Việt Nam cho sản phẩm của doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu từ Việt Nam	1.000.000.000				
101	Tổ chức Triển lãm Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam - Nhật Bản 2020	1.000.000.000	Quý III	Hà Nội	Điều 7	Cục Xúc tiến thương mại
	Hoạt động xúc tiến thương mại khác	2.401.941.000				
102	Chương trình xúc tiến thương mại theo chuỗi đối với sản phẩm sâm, dược liệu	2.401.941.000	Năm 2020	Trong nước và nước ngoài	Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 7	Cục Xúc tiến thương mại
		101.082.960.000				

Phụ lục II:
DANH MỤC ĐỀ ÁN PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA VỀ XTTM 2020
- NỘI DUNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 3837 /QĐ-BCT
ngày 25 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg)	Đơn vị chủ trì
	Đào tạo	1.077.040.000				
1	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng kinh doanh	50.000.000	Quý II	Hòa Bình	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Hòa Bình
2	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ (2 lớp)	100.000.000	Quý III	Tp. Bắc Kạn và huyện Chợ Đồn	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn
3	Tổ chức khóa tập huấn phương pháp tiếp cận hiện đại trong việc thiết kế mẫu mã, bao bì cho sản phẩm nông sản	50.000.000	Quý III	Tp. Đồng Hới	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Bình
4	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng lập kế hoạch tham gia hội chợ, triển lãm thương mại, hội nghị kết nối cung cầu thành công	50.000.000	Quý II, Quý III	Tp. Đông Hà	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị
5	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm trên internet	50.000.000	Quý II, Quý III	Tp. Đông Hà	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị
6	Tổ chức khóa tập huấn về giải pháp đưa nông sản vào siêu thị	60.000.000	Quý II, Quý III	Tp. Vinh	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Nghệ An
7	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng xây dựng hệ thống phân phối và tìm kiếm nhà bán lẻ	40.200.000	Quý II	Tp. Hạ Long	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ninh

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg)	Đơn vị chủ trì
8	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng quản lý chăm sóc khách hàng	60.000.000	Quý II	Hà Nội	Điều 10, khoản 7	Hiệp hội Các nhà bán lẻ Việt Nam
9	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng thương lượng, đàm phán	60.000.000	Quý II	Hà Nội	Điều 10, khoản 7	Hiệp hội Các nhà bán lẻ Việt Nam
10	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng thương lượng, đàm phán	69.420.000	Quý III	Hải Phòng, Quảng Ninh	Điều 10, khoản 7	Hiệp hội Các nhà bán lẻ Việt Nam
11	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng quản lý chăm sóc khách hàng	69.420.000	Quý III	Hải Phòng, Quảng Ninh	Điều 10, khoản 7	Hiệp hội Các nhà bán lẻ Việt Nam
12	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	70.000.000	Tháng 7	Quảng Trị	Điều 10, khoản 7	Hội Nông dân Việt Nam
13	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp	70.000.000	Tháng 8	Phú Yên	Điều 10, khoản 7	Hội Nông dân Việt Nam
14	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm đặc sản Hậu Giang	60.000.000	Quý II	Tp. Vị Thanh	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Hậu Giang
15	Tổ chức khóa tập huấn về đào tạo kỹ năng xúc tiến thương mại, nghiên cứu xu hướng thị hiếu tiêu dùng	50.000.000	Quý III	Tp. Kon Tum	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum
16	Tổ chức khóa tập huấn phổ biến kiến thức, nâng cao năng lực thiết kế phát triển sản phẩm	60.000.000	Quý II, Quý III	Tx. Gia Nghĩa	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg)	Đơn vị chủ trì
17	Tổ chức khóa tập huấn về kỹ năng phát triển thị trường và tìm đầu ra mặt hàng nông sản tỉnh Gia Lai	60.000.000	Quý III	Tp. Pleiku	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai
18	Tổ chức lớp tập huấn về xây dựng thương hiệu và kỹ năng kinh doanh tại huyện Krông Ana	48.000.000	Quý IV	Huyện Krông Ana	Điều 10, khoản 7	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk
Tuyên Truyền		5.200.000.000				
19	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước thông qua phương tiện Truyền hình trên kênh VTV1 của Đài Truyền hình Việt Nam	1.500.000.000	Năm 2020	Trong nước và nước ngoài	Điều 10, khoản 4	Cục Xúc tiến thương mại
20	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước khu vực miền núi, biên giới, hải đảo trên truyền hình	600.000.000	Năm 2020	Trong nước và nước ngoài	Điều 11, khoản 7	Cục Xúc tiến thương mại
21	Chuỗi hoạt động nhằm tuyên truyền quảng bá nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ đến người tiêu dùng và tổ chức chương trình khuyến mại tập trung	3.000.000.000	Quý III	Hà Nội/ các tỉnh, thành phố	Điều 10, khoản 4, 6	Cục Xúc tiến thương mại

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-ĐTg)	Đơn vị chủ trì
22	Xây dựng ấn phẩm tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu hàng nông sản cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	50.000.000	Quý III	Tp. Tuyên Quang	Điều 11, khoản 7	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Tuyên Quang
23	Tuyên truyền quảng bá cho hàng nông sản miền núi, biên giới tỉnh Hà Giang	50.000.000	Quý III, Quý IV	Hà Giang	Điều 11, khoản 7	Trung tâm Khuyến công - Xúc tiến Công Thương tỉnh Hà Giang
	Hội chợ Vùng, hội chợ chuyên ngành địa phương, hội chợ gắn xúc tiến đầu tư, du lịch	11.600.000.000				
24	Tổ chức Hội chợ Công Thương vùng Bắc Trung bộ - Nghệ An năm 2020	700.000.000	Quý II, Quý III	Tp. Vinh	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Nghệ An
25	Tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực phía Bắc - Nam Định năm 2020	800.000.000	Quý IV	Tp. Nam Định	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Nam Định
26	Tổ chức Hội chợ thương mại khu vực Đồng bằng sông Hồng - Vĩnh Phúc năm 2020	800.000.000	Quý IV	Tp. Vĩnh Yên	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Thông tin và Xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Phúc
27	Tổ chức Hội chợ OCOP - Quảng Ninh năm 2020	800.000.000	Quý II	Tp. Hạ Long	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ninh
28	Tổ chức Hội chợ Nông nghiệp quốc tế đồng bằng Bắc Bộ năm 2020	800.000.000	Tháng 11	Tp. Thái Bình	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thái Bình

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-Đ-TTg)	Đơn vị chủ trì
29	Tổ chức Hội chợ Công Thương khu vực miền Đông Nam Bộ - Bình Phước năm 2020	700.000.000	Quý III	Tp. Đồng Xoài	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Bình Phước
30	Tổ chức Hội chợ quốc tế Thương mại, Du lịch, Đầu tư hành lang kinh tế Đông Tây - Đà Nẵng năm 2020	800.000.000	Tháng 8	Tp. Đà Nẵng	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Đà Nẵng
31	Tổ chức Hội chợ, triển lãm Nông nghiệp - Thương mại khu vực Đông Nam bộ năm 2020	800.000.000	Tháng 9	Đồng Nai	Điều 10, khoản 1	Hội Nông dân Việt Nam
32	Tổ chức Hội chợ Hùng Vương năm 2020	800.000.000	Quý I, Quý II	Tp. Việt Trì	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công Thương tỉnh Phú Thọ
33	Tổ chức Hội chợ Thương mại - Nông sản vùng Tây Bắc - Sơn La năm 2020	700.000.000	Quý III	Huyện Mộc Châu	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Sơn La
34	Tổ chức Hội chợ thương mại - OCOP vùng Tây Bắc - Hòa Bình năm 2020	800.000.000	Quý IV	Tp. Hòa Bình	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Hòa Bình
35	Tổ chức Hội chợ triển lãm "Mỗi xã, phường một sản phẩm - Thái Nguyên năm 2020"	800.000.000	Quý III	Tp. Thái Nguyên	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thái Nguyên
36	Tổ chức Hội chợ triển lãm Công nghiệp, Thương mại đồng bằng sông Cửu Long năm 2020	700.000.000	Tháng 6	Tp. Mỹ Tho	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Tiền Giang

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-Đ-TTg)	Đơn vị chủ trì
37	Tổ chức Hội chợ Công Thương Kon Tum năm 2020	800.000.000	Quý IV	Tp. Kon Tum	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum
38	Tổ chức Hội chợ Thương mại quốc tế Quảng Ngãi năm 2020	800.000.000	Quý II	Quảng Ngãi	Điều 10, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi
	Phiên chợ miền núi, biên giới, hải đảo	15.150.000.000				
39	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Minh Hóa	150.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Minh Hóa	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Bình
40	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Tuyên Hóa	150.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Tuyên Hóa	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Bình
41	Tổ chức 02 Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Vũ Quang	300.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Vũ Quang	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Hà Tĩnh
42	Tổ chức 02 Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Kỳ Anh	300.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Kỳ Anh	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Hà Tĩnh
43	Tổ chức phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Đakrông	150.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Đakrông	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị
44	Tổ chức phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Gio Linh	150.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Gio Linh	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg)	Đơn vị chủ trì
45	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Ngọc Lặc	150.000.000	Quý III	Huyện Ngọc Lặc	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa
46	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Lang Chánh	150.000.000	Quý III	Huyện Lang Chánh	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa
47	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Bá Thước	150.000.000	Quý III	Huyện Bá Thước	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa
48	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Thường Xuân	150.000.000	Quý III	Huyện Thường Xuân	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Thanh Hóa
49	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Tân Kỳ	150.000.000	Quý IV	Huyện Tân Kỳ	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Nghệ An
50	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Đô Lương	150.000.000	Quý IV	Huyện Đô Lương	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Nghệ An
51	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Kim Bảng	150.000.000	Quý IV	Huyện Kim Bảng	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Hà Nam
52	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Thanh Liêm	150.000.000	Quý IV	Huyện Thanh Liêm	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Hà Nam
53	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Lập Thạch	150.000.000	Quý III	Huyện Lập Thạch	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Thông tin và Xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Phúc

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg)	Đơn vị chủ trì
54	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Tam Đảo	150.000.000	Quý III	Huyện Tam Đảo	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Thông tin và Xúc tiến thương mại tỉnh Vĩnh Phúc
55	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Ba Chẽ	150.000.000	Quý III	Huyện Ba Chẽ	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ninh
56	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về hải đảo huyện Cô Tô	200.000.000	Quý III	Huyện Cô Tô	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ninh
57	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về biên giới huyện Bù Đốp	150.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Bù Đốp	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Bình Phước
58	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về biên giới huyện Bù Gia Mập	150.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Bù Gia Mập	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Bình Phước
59	Tổ chức 02 Phiên chợ hàng Việt về hải đảo huyện Côn Đảo	400.000.000	Quý I, Quý II	Huyện Côn Đảo	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
60	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về hải đảo huyện Phú Quý	200.000.000	Quý II	Huyện Phú Quý	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Bình Thuận
61	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Đức Linh	150.000.000	Quý III	Huyện Đức Linh	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Bình Thuận
62	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Tuy Phong	150.000.000	Quý III	Huyện Tuy Phong	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Bình Thuận
63	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Tân Lạc	150.000.000	Quý III	Huyện Tân Lạc	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Bình Thuận

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-Đ-TTg)	Đơn vị chủ trì
64	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về biên giới huyện Bến Cầu	150.000.000	Quý III	Huyện Bến Cầu	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Tây Ninh
65	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về biên giới huyện Châu Thành	150.000.000	Quý III	Huyện Châu Thành	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Tây Ninh
66	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về biên giới huyện Tân Biên	150.000.000	Quý III	Huyện Tân Biên	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Tây Ninh
67	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về hải đảo huyện đảo Bình Ba	200.000.000	Quý III	Tp. Cam Ranh	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Khánh Hòa
68	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Bác Ái	150.000.000	Quý II	Huyện Bác Ái	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Ninh Thuận
69	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Ninh Sơn	150.000.000	Quý II	Huyện Ninh Sơn	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Ninh Thuận
70	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Thuận Bắc	150.000.000	Quý II	Huyện Thuận Bắc	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Ninh Thuận
71	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Tây Hòa	150.000.000	Quý II	Huyện Tây Hòa	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Phú Yên
72	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Sơn Hòa	150.000.000	Quý II	Huyện Sơn Hòa	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Phú Yên
73	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Sông Hinh	150.000.000	Quý II	Huyện Sông Hinh	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Phú Yên

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-Đ-TTg)	Đơn vị chủ trì
74	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Đồng Xuân	150.000.000	Quý II	Huyện Đồng Xuân	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Phú Yên
75	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về huyện Lý Sơn	200.000.000	Quý II	Huyện Lý Sơn	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi
76	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về huyện Sơn Hà	150.000.000	Quý II	Huyện Sơn Hà	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Ngãi
77	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về huyện biên giới Đồng Văn	150.000.000	Quý IV	Huyện Đồng Văn	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công - Xúc tiến Công Thương tỉnh Hà Giang
78	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về huyện biên giới Mèo Vạc	150.000.000	Quý III, IV	Huyện Mèo Vạc	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công - Xúc tiến Công Thương tỉnh Hà Giang
79	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về huyện biên giới Yên Minh	150.000.000	Quý III, IV	Huyện Yên Minh	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công - Xúc tiến Công Thương tỉnh Hà Giang
80	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về huyện biên giới Vị Xuyên	150.000.000	Quý III, IV	Huyện Vị Xuyên	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công - Xúc tiến Công Thương tỉnh Hà Giang
81	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Thanh Thủy	150.000.000	Quý III	Huyện Thanh Thủy	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công Thương tỉnh Phú Thọ

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-Đ-TTg)	Đơn vị chủ trì
82	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Thanh Sơn	150.000.000	Quý III	Huyện Thanh Sơn	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển Công Thương tỉnh Phú Thọ
83	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi, vùng cao huyện Na Rì	150.000.000	Quý IV	Huyện Na Rì	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn
84	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi, vùng cao huyện Ngân Sơn	150.000.000	Quý IV	Huyện Ngân Sơn	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn
85	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi, vùng cao huyện Pắc Nặm	150.000.000	Quý IV	Huyện Pắc Nặm	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Kạn
86	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi tại huyện Văn Lãng	150.000.000	Quý IV	Huyện Văn Lãng	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Lạng Sơn
87	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Tràng Định	150.000.000	Quý IV	Huyện Tràng Định	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Lạng Sơn
88	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi, vùng sâu, vùng xa huyện Mù Cang Chải	150.000.000	Tháng 9	Huyện Mù Cang Chải	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái
89	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi, vùng sâu, vùng xa huyện Trạm Tấu	150.000.000	Tháng 9	Huyện Trạm Tấu	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái
90	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi, vùng sâu, vùng xa huyện Văn Chấn	150.000.000	Tháng 9	Huyện Văn Chấn	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-Đ-TTg)	Đơn vị chủ trì
91	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi, vùng sâu, vùng xa huyện Văn Yên	150.000.000	Tháng 10	Huyện Văn Yên	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Yên Bái
92	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về vùng cao huyện Quỳnh Nhai	150.000.000	Quý I	Huyện Quỳnh Nhai	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Sơn La
93	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về vùng cao huyện Thuận Châu	150.000.000	Quý II	Huyện Thuận Châu	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Sơn La
94	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt huyện Chiêm Hóa	150.000.000	Quý IV	Huyện Chiêm Hóa	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Tuyên Quang
95	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt huyện Hàm Yên	150.000.000	Quý IV	Huyện Hàm Yên	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Tuyên Quang
96	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt huyện Lâm Bình	150.000.000	Quý IV	Huyện Lâm Bình	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Tuyên Quang
97	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt huyện Na Hang	150.000.000	Quý IV	Huyện Na Hang	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Tuyên Quang
98	Tổ chức Phiên chợ Hàng Việt về vùng sâu, vùng xa huyện Yên Thủy	150.000.000	Quý II	Huyện Yên Thủy	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Hòa Bình
99	Tổ chức Phiên chợ Hàng Việt về vùng sâu, vùng xa huyện Lạc Sơn	150.000.000	Quý II	Huyện Lạc Sơn	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Hòa Bình
100	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Than Uyên	150.000.000	Quý III, Quý IV	Huyện Than Uyên	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lai Châu
101	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Tân Uyên	150.000.000	Quý III, Quý IV	Huyện Tân Uyên	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lai Châu

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg)	Đơn vị chủ trì
102	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Sìn Hồ	150.000.000	Quý III, Quý IV	Huyện Sìn Hồ	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lai Châu
103	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Nậm Nhùn	150.000.000	Quý III, Quý IV	Huyện Nậm Nhùn	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lai Châu
104	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Thông Nông	150.000.000	Quý III, Quý IV	Huyện Thông Nông	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Cao Bằng
105	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Hà Quảng	150.000.000	Quý III, Quý IV	Huyện Hà Quảng	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Cao Bằng
106	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Thạch An	150.000.000	Quý III, Quý IV	Huyện Thạch An	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Cao Bằng
107	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Hòa An	150.000.000	Quý III, Quý IV	Huyện Hòa An	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Cao Bằng
108	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Mường Nhé	150.000.000	Quý IV	Huyện Mường Nhé	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Điện Biên
109	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Nậm Pồ	150.000.000	Quý IV	Huyện Nậm Pồ	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Điện Biên
110	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Tủa Chùa	150.000.000	Quý IV	Huyện Tủa Chùa	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Điện Biên

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-Đ-TTg)	Đơn vị chủ trì
111	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Điện Biên Đông	150.000.000	Quý IV	Huyện Điện Biên Đông	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Điện Biên
112	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Đại Từ	150.000.000	Quý II	Huyện Đại Từ	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thái Nguyên
113	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Đồng Hỷ	150.000.000	Quý II	Huyện Đồng Hỷ	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thái Nguyên
114	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi thị xã Phổ Yên	150.000.000	Quý II	Thị xã Phổ Yên	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thái Nguyên
115	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về huyện Trần Văn Thời	150.000.000	Quý IV	Huyện Trần Văn Thời	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Cà Mau
116	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về huyện U Minh	150.000.000	Quý IV	Huyện U Minh	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Cà Mau
117	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về huyện Thới Bình	150.000.000	Quý IV	Huyện Thới Bình	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Cà Mau
118	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về huyện Ngọc Hiển	150.000.000	Quý IV	Huyện Ngọc Hiển	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Cà Mau
119	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về huyện Long Mỹ	150.000.000	Quý IV	Huyện Long Mỹ	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Hậu Giang
120	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Cư Jut	150.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Cư Jut	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg)	Đơn vị chủ trì
121	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Đắk Song	150.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Đắk Song	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông
122	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Tuy Đức	150.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Tuy Đức	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông
123	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Krông Nô	150.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Krông Nô	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Nông
124	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt sang khu vực biên giới Việt Nam - Campuchia	300.000.000	Quý IV	Ratanakiri, Campuchia	Điều 11, khoản 5	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai
125	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Chư Prông	150.000.000	Quý II	Huyện Chư Prông	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai
126	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Kbang	150.000.000	Quý III	Huyện Kbang	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai
127	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Đức Cơ	150.000.000	Quý IV	Huyện Đức Cơ	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai
128	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Đức Trọng	150.000.000	Quý II	Huyện Đức Trọng	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - thương mại và du lịch tỉnh Lâm Đồng
129	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Đa Tềh	150.000.000	Quý II	Huyện Đa Tềh	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - thương mại và du lịch tỉnh Lâm Đồng

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-Đ-TTg)	Đơn vị chủ trì
130	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về miền núi huyện Cát Tiên	150.000.000	Quý II	Huyện Cát Tiên	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến đầu tư - thương mại và du lịch tỉnh Lâm Đồng
131	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Krông Ana	150.000.000	Quý IV	Huyện Krông Ana	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk
132	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Krông Bông	150.000.000	Quý IV	Huyện Krông Bông	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk
133	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về miền núi huyện Lắk	150.000.000	Quý IV	Huyện Lắk	Điều 11, khoản 1	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Đắk Lắk
	Phiên chợ nông thôn	1.890.000.000				
134	Tổ chức Chương trình đưa hàng Việt về khu đô thị tại thành phố Tuyên Quang	105.000.000	Quý III	Thành phố Tuyên Quang	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư tỉnh Tuyên Quang
135	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Lệ Thủy	105.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Lệ Thủy	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Bình
136	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về nông thôn huyện Vĩnh Linh	105.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Vĩnh Linh	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị
137	Tổ chức Phiên chợ hàng Việt về nông thôn huyện Triệu Phong	105.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Triệu Phong	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Quảng Trị
138	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Kim Sơn	105.000.000	Quý III	Huyện Kim Sơn	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công, Xúc tiến thương mại và Phát triển cụm công nghiệp Ninh Bình

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-Đ-TTg)	Đơn vị chủ trì
139	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Nho Quan	105.000.000	Quý III	Huyện Nho Quan	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công, Xúc tiến thương mại và Phát triển cụm công nghiệp Ninh Bình
140	Tổ chức Chương trình đưa hàng Việt về khu đô thị tại thành phố Tam Điệp	105.000.000	Quý III	Tp Tam Điệp	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công, Xúc tiến thương mại và Phát triển cụm công nghiệp Ninh Bình
141	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Kiến Xương	105.000.000	Quý II	Huyện Kiến Xương	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thái Bình
142	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Tiền Hải	105.000.000	Quý II	Huyện Tiền Hải	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thái Bình
143	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Thái Thụy	105.000.000	Quý II	Huyện Thái Thụy	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Thái Bình
144	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Ninh Hải	105.000.000	Quý III	Huyện Ninh Hải	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại Ninh Thuận
145	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Vị Thủy	105.000.000	Quý III	Huyện Vị Thủy	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Xúc tiến thương mại tỉnh Hậu Giang
146	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Bố Trạch	105.000.000	Quý II, Quý III	Huyện Bố Trạch	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Bình
147	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Thuận Nam	105.000.000	Quý III	Huyện Thuận Nam	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Thuận

STT	Nội dung hoạt động	Kinh phí phê duyệt (đồng)	Thời gian	Địa điểm	ND hỗ trợ (QĐ 72/2010/QĐ-TTg)	Đơn vị chủ trì
148	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Đông Hải	105.000.000	Quý III	Huyện Đông Hải	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bạc Liêu
149	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Hồng Dân	105.000.000	Quý III	Huyện Hồng Dân	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bạc Liêu
150	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Phước Long	105.000.000	Quý III	Huyện Phước Long	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bạc Liêu
151	Tổ chức Phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn huyện Hòa Bình	105.000.000	Quý III	Huyện Hòa Bình	Điều 10, khoản 2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tỉnh Bạc Liêu
		34.917.040.000				

Phụ lục III
MẪU THÔNG BÁO MỜI THAM GIA
CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ / _____

V/v mời tham gia Chương trình cấp quốc gia về XTMM năm

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

Thực hiện Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số/QĐ-BCT ngày tháng năm ..., (Tên đơn vị chủ trì) sẽ tổ chức (Tên Đề án). Cụ thể như sau:

1. Mục tiêu:.....
2. Quy mô: (số lượng đơn vị tham gia dự kiến).....
3. Thời gian:.....
4. Địa điểm:.....
5. Ngành hàng:.....
6. Đối tượng tham gia:.....
7. Tiêu chí lựa chọn đơn vị tham gia:.....
8. Chi phí:
 - Hỗ trợ của Nhà nước cho doanh nghiệp tham gia chương trình: (nêu cụ thể nội dung các khoản được hỗ trợ, % hỗ trợ, số tiền được hỗ trợ)
 - Chi phí doanh nghiệp phải chịu khi tham gia chương trình: (nêu cụ thể)
 - Số tiền doanh nghiệp phải đặt cọc để tham gia chương trình nếu có (nêu rõ địa chỉ chuyển tiền đặt cọc, thủ tục hoàn/khấu trừ tiền đặt cọc sau khi kết thúc chương trình)
 - Phương thức thanh quyết toán của Đơn vị chủ trì với doanh nghiệp.
9. Các nghĩa vụ khi tham gia chương trình:
10. Yêu cầu về Hồ sơ đăng ký tham gia chương trình:
11. Thời hạn đăng ký tham gia:.....

Các đơn vị quan tâm đề nghị gửi hồ sơ về:

Tên đơn vị:..... Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Email:..... Người liên hệ:.....

Lưu ý: Đối tượng hỗ trợ của Chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã, các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành. Các tổ chức không thuộc các đối tượng trên không nhận được hỗ trợ./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:

Thông tin giới thiệu về thị trường, ngành hàng, hoạt động xúc tiến thương mại mà Đơn vị chủ trì sẽ tổ chức hoặc tổ chức tham gia; Chương trình dự kiến; Mẫu hồ sơ đăng ký tham gia.

LƯU Ý: Thư mời tham gia chương trình phải được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Xúc tiến Thương mại – Bộ Công Thương (www.vietrade.gov.vn)

Phụ lục IV
MẪU CÔNG VĂN THÔNG BÁO
TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA VỀ XÚC TIẾN
THƯƠNG MẠI TẠI NƯỚC NGOÀI

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: _____ /

V/v thực hiện Chương trình cấp quốc gia
về XTMM năm.....

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

Thực hiện Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm , (Tên đơn vị chủ trì) sẽ tổ chức (Tên đề án). Cụ thể như sau:

1. Mục tiêu:.....
2. Quy mô: (số lượng đơn vị tham gia dự kiến).....
3. Thời gian: từ ngày ... tháng ... năm đến ngày tháng năm
4. Địa điểm:.....
5. Ngành hàng:.....
6. Đối tượng tham gia:.....
7. Tiêu chí lựa chọn đơn vị tham gia:.....

(Tên đơn vị chủ trì) xin thông báo và đề nghị đồng chí Tham tán Thương mại Việt Nam tại (tên nước nơi thực hiện đề án) quan tâm phối hợp và hỗ trợ (Tên đơn vị chủ trì) thực hiện tốt (tên đề án).

Mọi chi tiết đề nghị liên hệ:

- Tên người liên hệ:.....
- Chức vụ:.....
- Điện thoại:.....
- Fax:.....
- Email:.....

Trân trọng./.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Tài liệu gửi kèm:

- Chương trình dự kiến
- Danh sách đơn vị tham gia và nhu cầu XTMM (nếu có)

LƯU Ý: Công văn này được gửi tới Tham tán Thương mại Việt Nam tại nước nơi thực hiện đề án và email bản sao tới Cục Xúc tiến Thương mại tại địa chỉ : xtmmqg@vietrade.gov.vn

Phụ lục V
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA
VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NĂM 2019

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
V/v báo cáo kết quả thực hiện
Chương trình cấp quốc gia về xúc
tiến thương mại năm

, ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại).

Thực hiện Đề án (Tên Đề án) thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số /QĐ-BCT ngày tháng năm , (Tên đơn vị chủ trì) báo cáo kết quả thực hiện như sau:

1. Mục tiêu chính của đề án:

2. Thời gian thực hiện:

3. Địa điểm:

4. Đối tượng tham gia:

5. Quy mô:

a) Số lượng đơn vị tham gia:..., trong đó: Số lượng DN VVN....., HTX...

b) Gian hàng (nếu có): gian hàng (quy theo gian hàng tiêu chuẩn 9 m²).

6. Kết quả thực hiện từng mục tiêu đã đề ra: đề nghị đánh giá kết quả thực hiện so với các mục tiêu nêu tại Mục 1.

7. Kết quả giao dịch (nếu có):

- Số lượng khách giao dịch:

- Số lượng khách hàng nhập khẩu tiềm năng:

- Thị trường xuất khẩu tiềm năng:

- Doanh số bán hàng:

- Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết (nếu có):

STT	Mặt hàng	Khách hàng (thị trường)	Số lượng	Trị giá/ đơn vị tính
1				
2				
3				

- Kết quả khác:

8. Đánh giá về mặt hàng/thị trường/khả năng cạnh tranh của đơn vị tham gia.

9. Đánh giá của đơn vị tham gia: (tổng hợp dựa trên báo cáo phản hồi của các đơn vị tham gia chương trình).

	Đánh giá	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
1	Nội dung chương trình	%	%	%	%	%
2	Công tác tổ chức thực hiện	%	%	%	%	%
3	Hiệu quả tham gia chương trình	%	%	%	%	%

10. Đề xuất, kiến nghị:

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

LƯU Ý: Đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản đánh giá kết quả việc thực hiện chậm nhất mười lăm (15) ngày làm việc sau khi hoàn thành mỗi đề án (đồng thời sao gửi bản mềm báo cáo về địa chỉ xttmqg@vietrade.gov.vn)

Phụ lục VI
DANH SÁCH ĐƠN VỊ THAM GIA ĐỀ ÁN CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NĂM 2020

Stt	Tên đơn vị	Mã số thuế	Mặt hàng tham gia chương trình	Người liên hệ, Chức vụ	Địa chỉ liên hệ
1					- Địa chỉ: - Tel: - Fax: - Email: - Website:
2					
3					
4					
5					
6					

Yêu cầu:

- Font: UNICODE, Times New Roman Size: 10
- Đề nghị sao gửi bản mềm danh sách về địa chỉ xtmqg@vietrade.gov.vn

Phụ lục VII
MẪU ĐĂNG KÝ DANH SÁCH NHÂN SỰ THAM GIA
CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI
TẠI NƯỚC NGOÀI

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH

Tên Công ty:

Mã số thuế:

Tên giao dịch quốc tế:

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

Website:

Đầu mối liên hệ:

Họ tên:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại di động (ĐTDD):

2. Doanh nghiệp quyết định cử các thành viên có tên sau đây tham gia Chương trình và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về người được cử đi công tác nước ngoài:

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngày/ tháng/ năm sinh	Số hộ chiếu	Ngày cấp/ ngày hết hạn
1	 (trưởng đoàn)				
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					

Trong đó ông/bà.....là người nhận hỗ trợ chi phí theo Chương trình cấp quốc gia về XTMM (nếu có)

3. Chúng tôi cam kết tham gia đầy đủ mọi hoạt động của Chương trình, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy và quy định của Ban tổ chức Đoàn doanh nghiệp Việt Nam, các quy định của pháp luật Việt Nam và nước sở tại.

....., ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục VIII
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ CỦA ĐƠN VỊ THAM GIA
CHƯƠNG TRÌNH CẤP QUỐC GIA VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI

THAM GIA ĐỀ ÁN
CỦA ...(Tên đơn vị tham gia).....

Kính gửi: (tên đơn vị chủ trì).....

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

Email:Website:.....

Mã số thuế:.....

1. Lĩnh vực kinh doanh chính:

1.1.....

1.2.....

2. Mặt hàng tham gia chương trình:

2.1.....

2.2.....

3. Đơn vị có thông tin về hoạt động XTTM quốc gia thông qua:

Thư mời của đơn vị chủ trì ☐ Hiệp hội doanh nghiệp ☐ Doanh nghiệp khác ☐

Internet ☐ Báo, tạp chí ☐ Đài phát thanh ☐ Truyền hình ☐

Phương tiện khác: (đề nghị nêu rõ).....

4. Kết quả chính của việc tham gia hoạt động cấp quốc gia về XTTM:

4.1.....

4.2.....

5. Hợp đồng/Thỏa thuận đã ký kết (nếu có):

	Nội dung	Khách hàng (quốc tịch)	Số lượng	Trị giá
1				
2				
3				

6. Đánh giá hiệu quả của việc tham gia hoạt động cấp quốc gia về XTTM:

	Đánh giá	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
1	Nội dung chương trình					
2	Công tác tổ chức thực hiện					
3	Hiệu quả tham gia chương trình					

7. Kiến nghị:

.....
.....
.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người báo cáo